

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 67/2023/DS-ST

Ngày: 03/01/2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hòa.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đích.

2. Ông Nguyễn Văn Đồi.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hương Trà - Cán bộ Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 03 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 131/2022/TLST - DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2022/QĐXXST - DS ngày 19 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2022/QĐST - HPT ngày 28.12.2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Lâm Quang B. Sinh năm: 1965; Địa chỉ: thôn C, xã H, huyện H, TP. Đà Nẵng (*có mặt*).

- *Đồng bị đơn:* ông Trương Văn T. Sinh năm: 1985 và bà Trần Thị H. Sinh năm: 1984; Cùng địa chỉ: phòng 208, tầng 2, nhà A, khu chung cư N, tổ 96 N, quận S, thành phố Đà Nẵng (*đều vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Lâm Quang B trình bày:*

Vào ngày 16/03/2021 vợ chồng ông Trương Văn T và bà Trần Thị H có lên nhà tôi vay số tiền 100.000.000 đồng để mua xe tải làm ăn. Thời gian vay trong vòng 12 tháng, kể từ ngày 16/03/2021 đến ngày 16/03/2022, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng

(trung đương 4.000.000 đồng/tháng), hai bên không thỏa thuận lãi quá hạn. Khi vay tiền ông T, bà H có viết giấy nợ nhưng chỉ một mình ông T ký tên vào giấy vay tiền.

Trước đây tôi có trình bày tôi chưa nhận được đồng lãi nào nhưng tại phiên tòa tôi xác định từ ngày vay tiền đến nay tôi có nhận được 12.000.000 đồng tiền lãi do ông T trả, sau đó thì không trả thêm được khoản tiền nào cả. Gia đình tôi đã rất nhiều lần đến nhà ông T để thương lượng lấy lại số tiền đã cho vay, nhưng ông T cố tình né tránh không trả.

Trong quá trình khởi kiện, tôi xác định cả hai vợ chồng ông T là người vay tiền nên tôi khởi kiện cả hai vợ chồng ông T nhưng do một mình ông T là người ký vào giấy vay tiền nên nay tôi chỉ khởi kiện một mình ông T, yêu cầu Tòa án buộc ông T phải trả lại cho tôi 100.000.000 đồng tiền gốc. Đối với tiền lãi, do mức lãi suất hai bên thỏa thuận 04% (4000.000đồng/tháng) là vượt quá quy định của pháp luật nên hiện nay tôi chỉ yêu cầu ông T phải trả tiền lãi cho tôi theo mức lãi suất do Nhà nước quy định là 20% /năm (1,66%/tháng), kể từ ngày vay (16/03/2021) đến ngày 28.12.2022 là 36.520.000 đồng, trừ đi số tiền lãi ông T đã trả trước đó là 12.000.000 đồng, số tiền lãi còn lại ông T phải trả cho tôi là 24.520.000 đồng; từ ngày 29.12.2022 đến ngày xét xử 03.01.2023 (06 ngày) tôi không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày 04.01.2023 cho đến khi ông T trả xong nợ, tôi cũng chỉ yêu cầu ông T tiếp tục trả lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất 20%/năm cho đến khi thi hành án xong, tôi không yêu cầu tính lãi quá hạn.

* Ông Trương Văn T và bà Trần Thị H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa nên không có lời khai của ông Trương Văn T và bà Trần Thị H trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Lâm Quang B và ông Trương Văn T và bà Trần Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ông Trương Văn T và bà Trần Thị H (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý

do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông Trương Văn T và bà Trần Thị H.

[2] Về nội dung:

Mặc dù trong quá trình khởi kiện, ông Lâm Quang B cho rằng ông Trương Văn T và bà Trần Thị H vay tiền của ông là để mua xe tải làm ăn nay không trả nợ đúng hạn nên ông khởi kiện đối với cả hai vợ chồng ông T, bà H. Tuy nhiên, xét giấy vay tiền ngày 16/03/2021 thì thấy ở phần trên của giấy vay tiền ghi đầy đủ họ tên của bên vay là ông Trương Văn T và bà Trần Thị H nhưng ở phần cuối của giấy vay tiền chỉ có một mình ông Trương Văn T ký ở vị trí người vay, ông Lâm Quang B cũng không có chứng cứ gì chứng minh ông T vay tiền là để mua xe tải làm ăn hay phục vụ vào mục đích chung của vợ chồng. Tại phiên tòa ông B cũng thay đổi yêu cầu, chỉ khởi kiện đối với một mình ông T nên HĐXX có cơ sở xác định ông T là người vay tiền và là người phải có nghĩa vụ trả số nợ vay trên cho ông Lâm Quang B.

Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 16/03/2021 thì ông Trương Văn T vay ông của ông Lâm Quang B số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 16/03/2021, lãi suất trả theo từng tháng.

Tuy nhiên, ông Trương Văn T không trả cả gốc lẫn lãi cho ông Lâm Quang B như đã cam kết. Như vậy ông Trương Văn T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Quang B về việc đòi lại số tiền gốc 100.000.000 đồng là có cơ sở nên căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Quang B buộc ông Trương Văn T phải trả cho ông Lâm Quang B số tiền gốc 100.000.000 đồng là phù hợp.

Về lãi suất, theo giấy vay tiền ngày 16/03/2021 hai bên thỏa thuận lãi suất 4%/tháng (tương đương 4.000.000 đồng/tháng). Tại phiên tòa ông B thừa nhận sau khi vay tiền ông T có trả cho ông được 12.000.000 đồng tiền lãi. Ông B xác định mức lãi suất 4%/tháng là vượt quá mức lãi suất quy định của pháp luật nên ông chỉ yêu cầu HĐXX tính lãi theo mức lãi suất 20%/năm (1,66%/tháng), kể từ ngày vay (16/03/2021) đến ngày 28.12.2022 là 36.520.000 đồng, trừ đi số tiền lãi ông T đã trả trước đó là 12.000.000 đồng, số tiền lãi còn lại ông T phải trả cho ông B là 24.520.000 đồng.

Xét thấy, mức lãi suất 20%/năm (1,66%/tháng) và số tiền lãi mà ông B yêu cầu ông T phải trả như trên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

Từ ngày 29.12.2022 đến ngày xét xử (03.01.2023) ông B không yêu cầu tính lãi nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Do các bên không thỏa thuận về lãi suất nợ quá hạn, đồng thời kể từ sau ngày xét xử ông Lâm Quang B cũng không yêu cầu ông T phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất nợ quá hạn nên căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11.01.2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, suất...thì lãi suất sẽ tiếp tục được tính kể từ ngày 04.01.2023 cho đến khi thi hành án xong trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất 20%/năm.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của ông Lâm Quang B được chấp nhận nên ông Trương Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm ông Trương Văn T phải chịu là 6.226.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Lâm Quang B 3.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 06457 ngày 13.10.2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của ông Lâm Quang B đối với ông Trương Văn T.

Xử:

1. Buộc ông Trương Văn T phải trả cho ông Lâm Quang B số tiền 124.520.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 24.520.000 đồng.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày **04.01.2023** trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất 20%/năm cho đến khi ông Trương Văn T thi hành án xong.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Trương Văn T phải chịu là 6.226.000 đồng. Hoàn trả cho ông Lâm Quang B 3.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 06457 ngày 13.10.2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận S;
- Chi cục thi hành án dân sự quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phước Hòa

